

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LỘ
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **39/2023/HSST**

Ngày: 22-12-2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Chân Thành

2. Bà Trần Thị Thúy Sâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Anh – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2023/TLST-HS ngày 28/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST – HS ngày 08/12/2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị N, sinh ngày 30/01/1966 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T (đều đã chết); có chồng Trần Thanh L (đã chết); có 03 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không có. Về nhân thân: Ngày 09/11/2017, bị Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Trị xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000 đồng về hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu; ngày 19/01/2020, bị Công an huyện C, tỉnh Quảng Trị xử phạt vi phạm hành chính 7.500.000 đồng về hành vi buôn bán hàng cấm. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/9/2023 đến ngày 27/9/2023, hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

2. Trần Thị L1, tên gọi khác: T1, sinh ngày 23/01/1977 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: khu phố A, phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thị T2 (đã chết) con bà Lê Thị T3, sinh năm 1945; có chồng Hoàng Hữu D (đã chết); có 02 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không có. Về nhân thân: Ngày 22/9/2020, bị Công an thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị xử phạt vi phạm hành chính 5.000.000 đồng về hành vi buôn bán hàng cấm; ngày 13/8/2021, bị Công an phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc. Bị cáo

bị tạm giữ từ ngày 18/9/2023 đến ngày 27/9/2023, hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

Người làm chứng: Anh Cao Tiến D1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 17/9/2023, Lê Thị N rủ Trần Thị L1 đi thị trấn L mua pháo hoa nổ về bán kiếm lời, lợi nhuận chia đôi. L1 đồng ý. Khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 18/9/2023, N điện thoại cho L1 bảo đi xe chở N, lên chợ T4, Hướng H mua pháo hoa nổ. L1 điều khiển xe mô tô BKS 74G1-113.18 của N cho L1 mượn trước đó, đến nhà N rồi cả hai đi theo Quốc lộ I lên huyện H, dừng xe trước cổng chùa T5, đối diện chợ. L1 đứng chờ ở ngoài. N đi vào chợ T4, gặp người thanh niên (chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch) đang đứng ở ngoài hàng rào đường vào chợ, do trước đây có buôn bán tại chợ T4, N biết người này có bán pháo nên hỏi: “Có bán pháo hoa nổ loại 36 ống không?”. Người thanh niên trả lời: “Có bán, giá mỗi hộp pháo là 280.000đ”. N đặt mua 12 (mười hai) hộp pháo hoa nổ loại 36 ống và đưa trước số tiền 3.360.000đ (ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Người thanh niên nhận tiền rồi đi vào chợ lấy pháo, còn N đứng bên ngoài hàng rào chờ. Lúc sau, người thanh niên trở ra cầm 02 (hai) bao nylon trong đó 01 (một) bao nylon bọc ngoài bằng bao nylon màu xanh bên trong đựng 04 (bốn) hộp pháo hoa nổ và 01 (một) bao nylon bọc ngoài bằng bao nylon trong suốt bên trong đựng 02 (hai) hộp pháo hoa nổ giao cho N rồi tiếp tục đi vào chợ, lấy 06 hộp pháo còn lại. N cầm 06 (sáu) hộp pháo hoa nổ đựng trong hai bao nylon đưa cho L1 rồi đi qua chợ để tiếp tục lấy 06 hộp pháo còn lại. L1 dùng áo mưa dơi màu xám quần che kín bao nylon chứa 04 (bốn) hộp pháo rồi đặt ở giá để hàng giữa xe mô tô, đặt tiếp lên trên 02 (hai) hộp pháo. N thấy người thanh niên đưa 06 hộp pháo còn lại để ở mép đường đối diện với vị trí của N, L1 nên đi qua lấy rồi quay trở lại. Sau đó, N đặt bao nylon bên trong chứa 05 hộp pháo hoa nổ giữa yên xe rồi ngồi lên phía sau yên xe, tay phải N cầm 01 túi nylon chứa 01 hộp pháo để lên đùi phải, L1 điều khiển xe chở N đi theo đường Q về thành phố Đ. Trên đường đi, N nói với L1 mua một hộp pháo là 280.000 đồng, 12 hộp với số tiền 3.360.000 đồng, về bán mỗi hộp 350.000 đồng, lời 70.000 đồng/hộp. Khi cả hai đến Km25 + 340 Quốc lộ I, địa phận C, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ.

Tại Bản kết luận giám định số 923/KL-KTHS ngày 26/09/2023 của Phòng K Công an tỉnh Q, kết luận: Mẫu vật được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu P gửi đến giám định là Pháo hoa nổ, khối lượng: 16,1kg.

Tại Cáo trạng số 38/CT – VKSCL ngày 27/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị đã truy tố các bị cáo Lê Thị N và Trần Thị L1 về tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị giữ nguyên bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190, Điều 35, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

- Tuyên bố các bị cáo Lê Thị N, Trần Thị L1 phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*”. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị N từ 100 triệu đồng đến 115 triệu đồng; Trần Thị L1 từ 100 triệu đồng đến 105 triệu đồng.

- Về tài sản thu giữ: Tịch thu tiêu hủy số pháo hoa nổ còn lại sau giám định và các vật chứng liên quan không có giá trị sử dụng. Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 74G1 – 113.48 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Đây là tài sản của bị cáo N, là phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel là tài sản của hai bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Về án phí: đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý với quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo có nguyện vọng được cải tạo ở ngoài xã hội; cho rằng mức hình phạt tiền của đại diện Viện kiểm sát là cao, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: trong quá trình điều tra, truy tố các cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, từ đó Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: ngày 17/9/2023, bị cáo N rủ bị cáo L1 lên thị trấn L mua pháo hoa nổ về bán kiếm lời, bị cáo L1 đồng ý. Cả hai lên chợ T4, huyện H đặt mua 12 hộp pháo hoa nổ, loại 36 ống rồi để lên xe mô tô, L1 điều khiển xe mô tô chở N về đến địa phận C thì bị bắt giữ. Theo kết luận giám định số hàng hóa bị thu giữ là pháo hoa nổ, có tổng khối lượng là 16,1 kg. Như vậy, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác nên có căn cứ xác định hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Buôn bán hàng cấm*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật hình sự. Điều luật quy định: “*1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây.... thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm... c, buôn bán pháo nổ từ*

06 kilogram đến dưới 40 kilogram”. Trong vụ án này, bị cáo N là người khởi xướng, thực hiện tích cực, bị cáo L1 là người giúp sức; các bị cáo đã thực hiện với lỗi cố ý, nhận thức rõ pháo hoa nổ là hàng cấm nhưng vì lợi ích cá nhân nên đã thực hiện hành vi phạm tội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về quản lý hàng cấm, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo là lao động chính trong gia đình, kinh tế khó khăn (chồng mất, một mình nuôi con) là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Thị L1 có vai trò không đáng kể trong vụ án nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về mức hình phạt: Do các bị cáo lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thuộc loại tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt hình phạt tiền cũng đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo. Đối với bị cáo Trần Thị L1 áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[6] Các vấn đề khác: quá trình điều tra không xác định được tên, địa chỉ của người thanh niên bán pháo hoa nổ cho các bị cáo nên không có căn cứ xem xét xử lý.

[7] Về vật chứng và tài sản thu giữ:

[7.1] Số pháo hoa nổ còn lại sau giám định gồm 11 (mười một) hộp pháo hoa nổ, vỏ ngoài bọc giấy có ký hiệu C0834, khối lượng: 14,8kg. Được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu “P”. (Đang bảo quản và lưu giữ tại Công an huyện C). Đây là vật chứng cấm lưu hành nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[7.2] 03 (ba) bao nilon màu xanh, mỗi bao có kích thước 60x50cm, bao đã qua sử dụng; 01 (một) bao nilon trong suốt kích thước 50x38cm, bao đã qua sử dụng; 01 (một) bao nilon màu đen kích thước 80x60cm, bao đã bị rách; 02 (hai) bao nilon màu đen, mỗi bao có kích thước 60x45cm, bao đã qua sử dụng; 01 (một) bao nilon màu vàng kích thước 40x40cm, bao đã qua sử dụng; 01 (một) áo mưa bằng nilon kích thước 134x85cm, trên áo mưa có họa tiết màu đỏ, đã qua sử dụng; Các bao nilon, áo mưa nêu trên được niêm phong trong thùng giấy cát tông bên ngoài ký hiệu “BG”. Là vật chứng không có giá trị sử dụng nên áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[7.3] 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ-đen, biển kiểm soát 74G1-113.18, số khung: RLCUE3220HY050476, số máy: E3X9E-217125, xe đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo N dùng vào phương tiện phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[7.4] 01 (một) điện thoại di động loại bàn phím số, nhãn hiệu NOKIA, model: RM-1190, màu đen, số IMEI 1: 354195106133200, số IMEI 2: 354195106633209, bên trong máy có gắn 02 (hai) thẻ sim, trong đó: 01 (một) thẻ sim, số thuê bao di động: 0947.744.030, trên thẻ sim có dãy số 89840200010992129247; 01 (một) thẻ sim, số thuê bao di động 0848.729.334, trên thẻ sim có dãy số 89840200011486072190, máy đã qua sử dụng (điện thoại của Trần Thị L1), được niêm phong trong bì thư ký hiệu “ĐT1” và 01 (một) điện thoại di động loại bàn phím số, nhãn hiệu Masstel, model: IZI15, màu đen, số IMEI 1: 350335890557024, số IMEI 2: 350335890557032, bên trong có gắn 01 (một) thẻ sim, số thuê bao di động 0948.204.246, trên thẻ sim có dãy số 89840200010963031299, máy đã qua sử dụng (điện thoại của Lê Thị N), được niêm phong trong bì thư ký hiệu “ĐT2”, là tài sản của 02 bị cáo dùng vào việc liên lạc để phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[7.5] 01 (một) áo khoác dài tay bằng vải màu nâu, loại có mũ, kích thước 147x80 cm, phía trước ngực áo có in dòng chữ “BURBERRY”, áo cũ đã qua sử dụng và 01 (một) áo mưa cánh dơi loại có mũ, chất liệu nylon, có mặt ngoài màu xám, mặt trong màu vàng, kích thước 182x99 cm, phần đầu áo mưa có nhiều vết rách, loại cũ đã qua sử dụng, là vật chứng vụ án không có giá trị sử dụng nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án mỗi buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị N và Trần Thị L1 (T) phạm tội "Buôn bán hàng cấm".

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị N: 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190, điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 35 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị L1: 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

2. Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật hình sự

- Tịch thu tiêu hủy:

+ Số pháo hoa nổ còn lại sau giám định gồm 11 (mười một) hộp pháo hoa nổ, vỏ ngoài bọc giấy có ký hiệu C0834, khối lượng: 14,8kg. Được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu “P”. (Đang bảo quản và lưu giữ tại Công an huyện C

+ 03 (ba) bao nylon màu xanh, mỗi bao có kích thước 60x50cm, bao đã qua sử dụng; 01 (một) bao nylon trong suốt kích thước 50x38cm, bao đã qua sử dụng; 01 (một) bao nylon màu đen kích thước 80x60cm, bao đã bị rách; 02 (hai) bao nylon màu đen, mỗi bao có kích thước 60x45cm, bao đã qua sử dụng; 01 (một) bao nylon màu vàng kích thước 40x40cm, bao đã qua sử dụng; 01 (một) áo mưa bằng nylon kích thước 134x85cm, trên áo mưa có họa tiết màu đỏ, đã qua sử dụng. Các bao nylon, áo mưa nêu trên được niêm phong trong thùng giấy cát tông bên ngoài ký hiệu “BG”; 01 (một) áo khoác dài tay bằng vải màu nâu, loại có mũ, kích thước 147x80 cm, phía trước ngực áo có in dòng chữ “BURBERRY”, áo cũ đã qua sử dụng và 01 (một) áo mưa cánh dơi loại có mũ, chất liệu nylon, có mặt ngoài màu xám, mặt trong màu vàng, kích thước 182x99 cm, phần đầu áo mưa có nhiều vết rách, loại cũ đã qua sử dụng.

+ 01 (một) thẻ sim, số thuê bao di động: 0947.744.030, trên thẻ sim có dãy số 89840200010992129247; 01 (một) thẻ sim, số thuê bao di động 0848.729.334; trên thẻ sim có dãy số 89840200011486072190, được niêm phong trong bì thư ký hiệu “ĐT1”.

+ 01 (một) thẻ sim, số thuê bao di động 0948.204.246, trên thẻ sim có dãy số 89840200010963031299, được niêm phong trong bì thư ký hiệu “ĐT2”.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ-đen, biển kiểm soát 74G1-113.18, số khung: RLCUE3220HY050476, số máy: E3X9E-217125;

+ 01 (một) điện thoại di động loại bàn phím số, nhãn hiệu NOKIA, model: RM-1190, màu đen, số IMEI 1: 354195106133200, số IMEI 2: 354195106633209, máy đã qua sử dụng, được niêm phong trong bì thư ký hiệu “ĐT1”.

+ 01 (một) điện thoại di động loại bàn phím số, nhãn hiệu Masstel, model: IZI15, màu đen, số IMEI 1: 350335890557024, số IMEI 2: 350335890557032, máy đã qua sử dụng, được niêm phong trong bì thư ký hiệu “ĐT2”.

(Các vật chứng, tài sản nói trên có tại Chi cục THADS huyện C theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/11/2023).

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chân Thành Trần Thị Thúy Sâm

Nguyễn Văn Quý